

Bản án số: 24/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 25 - 4 - 2024  
V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Nguyễn Đức Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Việt Chiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST- HNGĐ ngày 28/02/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Khắc Đ, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Đ và chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Khắc Đ trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị X chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống, anh và chị X chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống nhiều bất đồng, kể từ tháng 01

năm 2021 đến nay anh và chị X không còn chung sống với nhau nữa, nay anh xét thấy tình cảm dành cho chị X không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị X là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị X có 02 con chung là Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/3/1996 và Lê Khắc K, sinh ngày 06/10/2005 cả hai con chung đều đã thành niên, tự lo cho cuộc sống riêng, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị X trình bày: Về hôn nhân: chị và anh Đ chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống nhiều bất đồng, từ đầu năm 2021 đến nay chị anh Đ không còn chung sống với nhau nữa, nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống với anh Đ có 02 con chung là Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/3/1996 và Lê Khắc K, sinh ngày 06/10/2005 cả hai con chung đều đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Khắc Đ và chị Lê Thị X; Về con chung: Hiện tại các con của anh Đ và chị X đã thành niên, anh Đ và chị X không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về tài sản chung: anh Đ và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị X, chị X cư trú tại xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ và chị X



đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của anh **Lê Khắc Đ**:

Theo anh **Đ** trình bày anh và **chị X** chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, anh **Đ** xuất trình tài liệu là Giấy xin xác nhận không có đăng ký kết hôn, **UBND xã C** xác nhận với nội dung “ Anh **Đ** và **chị X** chung sống như vợ chồng từ năm 1995 và có với nhau 02 người con chung là **Lê Thị Ngọc Á**, sinh ngày 08/3/1996 và **Lê Khắc K**, sinh ngày 06/10/2005. Trong thời gian chung sống với nhau anh **Đ** và **chị X** không làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau, chưa được pháp luật công nhận với chồng”.

**Chị Lê Thị X** thừa nhận **chị** và anh **Đ** chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Tòa án tiến hành xác minh tại **UBND xã C, thị xã N** về tình trạng hôn nhân giữa anh **Đ** và **chị X**, theo biên bản xác minh ngày 03/4/2024 xác định: “ Anh **Lê Khắc Đ** nguyên quán ở **phường H, thị xã N** chung sống như vợ chồng với **chị Lê Thị X** nguyên quán **xã C, thị xã N** kể từ năm 1995, khi sống chung với nhau anh **Đ** nhập khẩu và về sinh sống tại **thôn Q, xã C**. Qua kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn thì anh **Lê Khắc Đ** không có đăng ký kết hôn với **chị Lê Thị X**”.

Theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ 03/01/1987 đến 01/01/2001 mà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01/01/2001 đến 01/01/2003.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Vì vậy, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại **UBND xã C** có cơ sở xác định: Anh **Đ** và **chị X** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn, nay anh **Đ** yêu cầu không công nhận vợ chồng, nên áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **Lê Khắc Đ** và **chị Lê Thị X**.

[3] Về con chung: anh **Lê Khắc Đ** và **chị Lê Thị X** có 02 con chung là **Lê Thị Ngọc Á**, sinh ngày 08/3/1996 và **Lê Khắc K**, sinh ngày 06/10/2005 hiện nay các con đã thành niên, có khả năng lao động, tự lo cho cuộc sống riêng, anh **Đ** và **chị X** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung: anh **Đ** và **chị X** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh **Đ** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **Lê Khắc Đ** và chị **Lê Thị X**.

3. Về án phí: anh **Lê Khắc Đ** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007065 ngày 28/02/2024.

4. Quyền kháng cáo: anh **Đ** và chị **X** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Các Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Sơn**